

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC LẶC  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2021/HS-ST

Ngày 01 - 9 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Văn Long

Ông Bùi Trung Thành

**- Thư ký phiên tòa :** Bà Lê Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2021. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

**Bùi Văn T**, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1988 tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn T và bà Lê Thị S; Có vợ là Quách Thị N và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/6/2021, tạm giam từ ngày 10/6/2021. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn T xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Chị Quách Thị N, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Hà Văn A, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 07/6/2021 Toàn đang đi làm thì Phạm Văn T1, là người cùng thôn gọi điện thoại cho T hỏi T có còn ma túy bán cho T1 một ít để sử dụng, T đồng ý và hẹn T1 đến khu vực hồ Đ thuộc thôn N, xã N, huyện N để giao ma túy, đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, T1 tiếp tục gọi điện thoại cho T báo với T mình đang ở khu vực hồ Đ, nên T đi xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 36B7-272... cầm theo ma túy đến địa điểm, khi đến địa điểm đã hẹn T nhìn thấy T1 đang đứng cùng với Phạm Văn Đ, Phạm Văn Đ đi lại gần T và đưa cho T 500.000 đồng, T biết là Đg đưa tiền để mua ma túy, nên T đã đưa gói ma túy đã chuẩn bị sẵn cho Đ và nói bán giá 200.000 đồng, T lấy trong ví ra 300.000 đồng trả lại cho Đ, khi việc mua bán ma túy vừa xong thì bị Công an huyện Ngọc Lặc phát hiện bắt quả tang thu giữ trên tay Phạm Văn Đ 01 gói ni lông màu vàng bên trong được gói bằng loại giấy màu trắng có dòng kẻ trong giấy có chứa chất bột màu trắng, Đ khai là ma túy vừa mua được của Bùi Văn T, Công an huyện Ngọc Lặc tiến hành niêm phong vật chứng, phong bì niêm phong ký hiệu M1 và thu giữ 300.000 đồng là số tiền T đưa lại cho Đ khi mua ma túy; thu giữ của Bùi Văn T số tiền 500.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 36B7- 272...; thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 36K5- 15... và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen loại có bàn phím của Phạm Văn T1.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Ngọc Lặc không thu giữ gì thêm.

Tại Kết luận giám định số 1912/PC09 ngày 11/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Chất bột màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,018g (*Không thấy không mười tám gam*) loại: Heroine.

Vật chứng vụ án:

- Mẫu vật còn lại sau giám định gồm: Toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và 0,011g chất bột màu trắng là các mẫu vật còn lại sau giám định được đựng trong phong bì niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành.

- Số tiền 800.000 đồng;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave BKS 36B7- 272..
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen loại có bàn phím .

Các vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 36K5- 155... thu giữ của Phạm Văn Toán, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ngọc Lặc đã trả lại cho Phạm Văn T1.

- Đối với chiếc điện thoại di động mà Bùi Văn T đã sử dụng để liên lạc trao đổi mua bán ma túy với Phạm Văn T1, T khai đã làm rơi chiếc điện thoại này và không nhớ địa điểm đánh rơi, nên Cơ quan CSĐT không đủ cơ sở để truy tìm, thu giữ chiếc điện thoại này làm vật chứng của vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKSNL, ngày 27/7/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc đã truy tố Bùi Văn T về tội " Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 24 tháng đến 26 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 07/6/2021;

Về hình phạt bổ sung phạt bị cáo một khoản tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định;

- Đối với 01 xe mô tô Biển kiểm soát 36B7- 272... tịch thu sung vào ngân sách nhà nước  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe và trả lại  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe cho vợ bị cáo là chị Quách Thị N; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen loại có bàn phím của Phạm Văn T1; Đối với số tiền 500.000 đồng thu của bị cáo, có căn cứ xác định bị cáo bán ma túy cho Đ và T1 với giá 200.000 đồng, số tiền 200.000 đồng là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, trả lại cho bị cáo Bùi Văn T số tiền 300.000 đồng; Đối với số tiền 300.000 đồng thu của Phạm Văn Đ là tiền Bùi Văn Toán trả lại cho Phạm Văn Đ không phải là tiền Đ dùng để mua ma túy nên trả lại cho Phạm Văn Đ; Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 36K5- 155... thu giữ của Phạm Văn T1 không phải là vật chứng của vụ án, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Ngọc Lặc đã trả lại cho Phạm Văn T1 là đúng quy định của pháp luật, nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình, bị cáo không tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Ngọc Lặc, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và của người làm chứng, phù hợp các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 07/6/2021 tại thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Bùi Văn T có hành vi bán trái phép 01 gói ma túy có khối lượng 0,018 gam, loại Heroine cho Phạm Văn Đ và Phạm Văn T1 với giá 200.000 đồng.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy, loại Heroine của Bùi Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc đối với bị cáo Bùi Văn T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với Phạm Văn T1 và Phạm Văn Đ1 có hành vi tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng, nhưng khối lượng chỉ có 0,018 gam Heroine, bản thân Đ và T1 chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và cũng chưa bị kết án về tội này và các tội quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, hành vi của T1 và Đ chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" nên cơ quan CSĐT Công an huyện Ngọc Lặc đã ra quyết định xử phạm vi phạm hành chính đối với Phạm Văn T1 và Phạm Văn Đ bằng hình thức phạt tiền là đúng quy định của pháp luật.

Theo lời khai của Bùi Văn T đối với người đàn ông bán ma túy cho T ngày 06/6/2021 tại cầu Làng N thị trấn N, T không biết tên tuổi, địa chỉ ở đâu, quá trình điều tra chưa đủ cơ sở để xác định người đàn ông này. Do đó, không có căn cứ để xử lý đối tượng đã bán ma túy cho T.

[3] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước. Hành vi bán chất ma túy của bị cáo gây tác hại cho xã hội và làm gia tăng số người nghiện. Ma túy làm hủy hoại sức khỏe, làm mất khả năng lao động, tiêu hao tiền bạc của bản thân người nghiện và gia đình, gây mất trật tự an toàn xã hội, làm gia tăng các tệ nạn xã hội và tội phạm, ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục, trừng trị bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: HĐXX xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định để giáo dục và trừng trị bị cáo.

[6] Hình phạt bổ sung: Bị cáo mua bán ma túy nhằm mục đích kiếm lời, thu lợi bất chính nên cần áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự xử phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm do bị cáo thực hiện, do bị cáo là lao động có thu nhập thấp nên xử phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

[7] Vật chứng của vụ án:

- Toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và 0,011g chất bột màu trắng là các mẫu vật còn lại sau giám định được đựng trong phong bì niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành. Ma túy là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Biển kiểm soát 36B7-272... Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô chủ xe là Bùi Văn T, Bùi Văn T có vợ là chị Quách Thị N, vợ chồng kết hôn năm 2007 và hiện nay hôn nhân vẫn tồn tại, theo bị cáo và chị N trình bày năm 2019 vợ chồng có mua được chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Biển kiểm soát 36B7-272... là tài sản chung của vợ chồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất*”. Vì vậy, có căn cứ xác định xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Biển kiểm soát 36 B7- 272... là

tài sản chung của bị cáo và vợ là chị Quách Thị N được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, nên mỗi người có quyền sở hữu  $\frac{1}{2}$  giá trị của chiếc xe. Ngày 07/6/2021 Bùi Văn T sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội, chị N không biết, không có lỗi, chị N đề nghị được nhận lại tài sản của mình. Nên căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước  $\frac{1}{2}$  giá trị của chiếc xe mô tô và trả lại cho chị Quách Thị N  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave Biển kiểm soát 36 B7- 272...

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen loại có bàn phím của Phạm Văn T1 chiếc điện thoại này T1 sử dụng để liên lạc trao đổi việc mua bán ma túy với Bùi Văn T là công cụ phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 500.000 đồng thu của Bùi Văn T, có căn cứ để xác định Bùi Văn T bán ma túy cho Phạm Văn Đ và Phạm Văn T1 với giá 200.000 đồng. Vì vậy, xác định số tiền 200.000 đồng là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với số tiền 300.000 đồng còn lại là tài sản của bị cáo không phải do phạm tội mà có nên trả lại cho bị cáo Bùi Văn T theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 300.000 đồng thu của Phạm Văn Đ là tiền Bùi Văn T trả lại tiền thừa cho Phạm Văn Đ khi Đ trả tiền mua ma túy của T không phải là số tiền Phạm Văn Đ dùng vào việc mua bán ma túy nên trả lại cho Phạm Văn Đ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Biển kiểm soát 36 K5- 155... thu giữ của Phạm Văn T1 không phải là vật chứng của vụ án, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Ngọc Lặc đã trả lại cho Phạm Văn T1 là đúng quy định của pháp luật, nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án, không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội " Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Áp dụng: Khoản 1 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

3. Xử phạt: Bùi Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 07 tháng 6 năm 2021.

Phạt bổ sung Bùi Văn T 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định gồm toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và 0,011g chất bột màu trắng là mẫu vật còn lại sau giám định được đựng trong phong bì niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành (*Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/7/2021 giữa Công an huyện Ngọc Lặc và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc*).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước  $\frac{1}{2}$  giá trị của chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 36B7- 272... và trả lại cho chị Quách Thị N  $\frac{1}{2}$  giá trị của chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 36B7- 272..., theo phiếu nhập kho ngày 28/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc và theo kết quả xử lý vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc. (*Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 36B7- 272... sẽ được chuyển cùng bản án đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc sau khi bản án có hiệu lực pháp luật*).

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T số tiền 300.000 đồng và trả lại cho anh Phạm Văn Đ số tiền 300.000 đồng theo ủy nhiệm chi chuyển khoản ngày 28/7/2021 của Công an huyện Ngọc Lặc chuyển đến tài khoản 3949.0.1055159 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc tại Kho bạc nhà nước huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím ( *Có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/7/2021 giữa Công an huyện Ngọc Lặc và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc* ).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn* ) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- Công an huyện Ngọc Lặc;
- THADS huyện Ngọc Lặc;
- Bị cáo;
- Người có QL,NVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Sơn**